

Bản án số: **488/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-6-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Tú.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Ngô Thị Kim Vinh**

Ông Nguyễn Hải Phùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 231/2021/TLST – HNGĐ ngày 26/3/2021, về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị Thanh Th**, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội (Có mặt);

Bị đơn: **Anh Trần Tuấn A**, sinh năm 1986; Hộ khẩu thường trú: phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn ly hôn; Bản tự khai và các văn bản trình bày tiếp theo tại Tòa nguyên đơn - chị Vũ Thị Thanh Th trình bày:

Chị và anh Trần Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Đống Đa, Hà Nội ngày 23/5/2007.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống tạiphường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội (nay là số phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp bất đồng quan điểm sống, anh A thường xuyên đánh đập chị vô cớ. Tổ dân phố, Hội phụ nữ phường cũng đã phân tích, khuyên giải đối với anh A nhưng không có kết quả, việc bạo hành trong gia đình vẫn diễn ra và từ cuối năm 2020 chị đã chuyển đi nơi khác cư trú, anh chị sống ly thân từ thời gian đó

đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị vẫn qua lại chăm sóc các con nhưng anh A nhiều lần khóa trái cửa để đánh chị.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Chị và anh A có 02 con chung là: Trần Đỗ N (nam) sinh ngày 21/8/2007 và Trần Đỗ Nguyên K (nam), sinh ngày 16/02/2011. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, anh A nuôi dưỡng cháu N vì cháu N đã lớn, cháu có thể đỡ đần, giúp đỡ anh A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài yêu cầu ly hôn, nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu nào khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Tuấn A đã được giao nhận: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc tự khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh A đều vắng mặt không thực hiện quyền nghĩa vụ tố tụng dân sự: không đến Tòa, không nộp bản tự khai không có văn bản thể hiện ý kiến quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, chỉ nộp 01 đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Tại phiên tòa:**

Chị Th vẫn giữ nguyên ý kiến quan điểm đã trình bày, cụ thể:

- Về tình cảm: Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

- Về con chung: Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung (gồm động sản và động sản): Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về sự chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn anh A chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí: Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh Th; Con chung: Xác nhận chị Th, anh A có 02 con chung; Giao cháu K cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu N cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung: Không có nên không xét; Án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng

Quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Xác định tranh chấp giữa chị Vũ Thị Thanh Th và anh Trần Tuấn A là tranh chấp về hôn nhân gia đình.

Thẩm quyền: Bị đơn - anh Trần Tuấn A đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội (nay là phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội); Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh A đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

II. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh Th và anh Trần Tuấn A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ngày 23/5/2007. Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, xác nhận hôn nhân giữa chị Th và anh A là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, thể hiện: Quá trình anh chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, xảy ra bạo hành gia đình (anh A hay đánh đập chị Th). Tổ dân phố, Hội phụ nữ phường đã khuyên giải nhưng không có kết quả và mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng nên từ cuối năm 2020, chị Th đã chuyển đi nơi khác cư trú, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, hai bên vẫn sống ly thân, mỗi người một nơi. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị không được khắc phục và ngày càng trầm trọng. Với thực trạng hôn nhân của anh chị như hiện nay khẳng định giữa anh chị không tồn tại cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc. Cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trước khi chị Th nộp đơn ly hôn đơn

phương thì anh A đã ký vào đơn thuận tình ly hôn như vậy thể hiện ý chí của anh A về việc ly hôn nên việc anh A không đồng ý ly hôn nhưng lại không đến Tòa chỉ thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chứ không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, yêu cầu của chị Th xin ly hôn anh A là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th và ý kiến không đồng ý ly hôn của anh A (thể hiện ở đơn xin vắng mặt) là không có căn cứ để xem xét.

[2]. Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ xác nhận chị Th và anh A có 02 con chung là Trần Đỗ N (nam) sinh ngày 21/8/2007; Trần Đỗ Nguyên K (nam), sinh ngày 16/02/2011.

Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K vì cháu K còn nhỏ cần được sự chăm sóc nuôi nấng trực tiếp từ mẹ; Đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu N đã lớn cháu có thể đỡ dần bố các công việc trong sinh hoạt gia đình.

Xét thấy: Việc giao con bên nào trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con. Nguyện vọng của chị Th là phù hợp với thực tế, điều kiện và hoàn cảnh hiện nay của anh chị cũng như nguyện vọng của con chung. Do đó, căn cứ Điều 68, 69 và Điều 70 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Giao cháu K cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu N cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về tài sản, nhà ở chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4]. Về nợ: Chị Th xác nhận không có khoản nợ nào chung.

[5]. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 226, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Thanh Th.

Chị Vũ Thị Thanh Th được ly hôn anh Trần Tuấn A.

2. Về con chung: Xác nhận chị Th và anh A có 02 con chung là: Trần Đỗ N (nam) sinh ngày 21/8/2007; Trần Đỗ Nguyên K (nam), sinh ngày 16/02/2011.

Giao cháu K cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu N cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th và anh A cho đến khi một trong hai bên có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Chị Th, anh A có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, nhà ở chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4. Về nợ: Chị Th xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh Th phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0015696 ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Chị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTPHN;
- VKSNDTPHN;
- VKS nhân dân quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tú